TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 20/2020/DS-ST
Ngày 23 – 3 – 2020
V/v tranh hợp đồng vay

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Tiến Sĩ
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà Trọng Tâm
Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 561/2019/TLST-DS, ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Tuyết Tr, sinh năm: 1961; Nơi cư trú: Số 475C, đường Nguyễn Trãi, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh D. có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị S ; Ông Trương Văn Đ; Cùng nơi cư trú: ấp 8, xã G, thành phố C, tỉnh D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Bà Phan Tuyết Tr trình bày: Ngày 02/8/2019 âm lịch bà Lê Thị S có mượn số tiền 79.000.000 đồng và cam kết trả dần theo các ngày 10, 20, 30 hàng tháng âm lịch, mỗi đợt trả 5.000.000 đồng, nhưng bà S không thực hiện đúng theo thỏa thuận. Bà S chỉ trả được 2 lần là 8.000.000 đồng vốn, còn nợ lại 71.000.000 đồng và hẹn đến ngày 20/11/2019 âm lịch sẽ trả nhưng đến nay không liên lạc được. Nay bà yêu cầu bà Lê Thị S và ông Trương Văn Đ (chồng của bà S) thanh toán cho bà số tiền còn nợ là 71.000.000 đồng, không yêu cầu lãi.

Ông Trương Văn Đ trình bày: Việc giao dịch vay mượn tiền giữa vợ ông là bà Lê Thị S với bà Phan Tuyết Tr ông thật sự không biết. Hiện nay bà S đã bỏ nhà đi từ ngày 20/11/2019 âm lịch đến nay ông không biết bà S đi đâu, làm gì, hiện đang ở đâu.

Do ông không biết việc mượn nợ này nên bà Tr yêu cầu ông có trách nhiệm thanh toán số nợ 71.000.000 đồng ông không đồng ý .

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN :

[1]Về thủ tục tố tụng: bà Lê Thị S và ông Trương Văn Đ đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2]Về nội dung tranh chấp giữa các đương sự được xác định là hợp đồng vay tài sản, được thể hiện tại biên nhận có chữ ký tên của bà Lê Thị S. Xét thấy số tiền vốn mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 71.000.000đ là có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra việc xem xét giải quyết.

Đối với ông Trương Văn Đ, quá trình giải quyết vụ án ông cho rằng việc bà S vay tiền của bà Tr ông hoàn toàn không biết nên không đồng ý thanh toán khoản tiền trên. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng ông Đ và bà S có mối quan hệ vợ chồng cùng chung sống và sinh hoạt chung nhà, nên việc bà S vay tiền của bà Tr là nhằm mục đích sử dụng chung trong gia đình, vì vậy cần buộc ông Đ cùng có trách nhiệm với bà S thanh toán cho nguyên đơn số tiền 71.000.000đ là hoàn toàn có cơ sở.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Lê Thị S và ông Trương Văn Đ thanh toán cho bà Phan Tuyết Tr số tiền 71.000.000đ

Kể từ ngày bà Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà S, ông Đ không thi hành khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà S, ông Đ phải chịu 3.550.000đ (chưa nộp). Bà Tr không phải nộp, ngày 23/12/2019 đã dự nộp 1.775.000đ tại lai thu số 0001214 được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điêù 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà S, ông Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Đương sư;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Án văn (VPTANDTPCM);
- Lưu VT (TM:TANDTPCM).

Lương Tiến Sĩ